

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2025.
V/v Tranh chấp về nuôi con;

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Lâm Thị Tội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Mai Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 142, tổ 1, khu phố 4, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công B, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 142, tổ 1, khu phố 4, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Võ Thị L trình bày:

Chị L và anh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc đến năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính hình không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi nên cuộc sống không có hạnh phúc, anh chị không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Lê Thị Thuỳ Tr, sinh năm: 1993; Lê Minh H, sinh năm 1997 và Lê Nhựt Thảo M, sinh năm 2007. Hiện con chung Lê Thị Thuỳ Tr và Lê Minh H đã thành niên nên chị không có yêu cầu tòa án giải quyết. Riêng con chung Lê Nhựt Thảo M hiện đang sống chung với anh B nên chị thống nhất giao cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Lê Công B vắng mặt không trình bày ý kiến;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị L và anh Lê Công B;

Về con chung: Ghi nhận con chung Lê Thị Thuỳ Tr và Lê Minh H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; giao con chung tên Lê Nhựt Thảo M cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Chị Võ Thị L và anh Lê Công B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 quy định "...Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết

hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng...nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Do đó, không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh B là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Lê Thị Thuỳ Tr, sinh năm: 1993; Lê Minh H, sinh năm 1997 và Lê Nhựt Thảo M, sinh năm 2007. Xét thấy con chung Lê Thị Thuỳ Tr và Lê Minh H đã thành niên nên chị không có yêu cầu tòa án giải quyết. Riêng con chung Lê Nhựt Thảo M hiện đang sống chung với anh B, trong quá trình giải quyết vụ án cháu My có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh B và chị L cũng thống nhất nên Hội đồng xét xử giao cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[5] Do anh B vắng mặt, không trình bày ý kiến hay yêu cầu nên không có cơ sở xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này anh B có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết;

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những tình tiết, nội dung của vụ án và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14; Điều 53; 81 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị L và anh Lê Công B;

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Lê Thị Thuỳ Tr, sinh năm: 1993; Lê Minh H, sinh năm 1997 và Lê Nhựt Thảo M, sinh năm 2007. Ghi nhận con chung Lê Thị Thuỳ Tr và Lê Minh H đã thành niên nên không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Giao con chung Lê Nhựt Thảo M cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008077 ngày 02-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Công B không phải chịu tiền án phí.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị L, anh B được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC;
- THADS huyện DMC;
- UBND thị trấn DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm